**ĐỊA LÍ DÂN CƯ**

**\*-\*-\*-\***

**BÀI 16 - ĐẶC ĐIỂM DÂN SỐ VÀ SỰ PHÂN BỐ DÂN CƯ**

**1. ĐÔNG DÂN, NHIỀU THÀNH PHẦN DÂN TỘC:**

**a- Đông dân:**

\* Đặc điểm : Hơn ***85,17* triệu** người(2007- Atlat tr 15) đứng***thứ 3***ĐNÁ, ***thứ 13*** thế giới, ( 24/10/2017- 95,1 triệu người, 2020- 97,6 triệu người ).

\* Thuận lợi: ***Thị trường rộng , lao động dồi dào***

\* Khó khăn: **cho *phát triển KT, nâng cao đời sống* *vật chất và tinh thần***cho nhân dân.

**b- Nhiều thành phần dân tộc:**

\* Đặc điểm : Có***54*** dân tộc, dân tộc Kinh chiếm 86,2% dân số, còn lại là các dân tộc khác và có khoảng 3,2 triệu người Việt sinh sống ở nước ngoài

\* Thuận lợi: - Đa dạng về ***bản sắc văn hoá và truyền thống dân tộc.***

- Các dân tộc đòan kết trong ***xây dựng và bảo vệ đất nước***

\* Khó khăn: giữa các dân tộc phát triển không đều về *t****rình độ và mức sống***

**2. Dân số còn tăng nhanh, cơ cấu dân số trẻ:**

**a. Dân số tăng nhanh:**

\* Đặc điểm : - Dân số tăng nhanh, vào nửa cuối thế kỉ XX đã ***bùng nổ dân số***

- Tỉ lệ gia tăng dân số cao , gần đây có ***giảm nhưng còn chậm****,*

Hiện nay :1,3%

- Mỗi năm tăng thêm ***hơn 1 triệu người***

\* Thuận lợi: thị trường rộng , lao động dồi dào

\* Khó khăn (**Hậu quả )** đối với việc phát triển KT-XH và môi trường:

+ K tế: Giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế, và khả năng tích luỹ để tái sản xuất mở rộng

+ XH: Tạo sức ép đối với việc làm***, y tế, giáo dục,*** nâng cao ***chất lượng cuộc sống...***

+ Khó khăn cho việc bảo vệ ***tài nguyên thiên nhiên, môi trường.***

**b. Cơ cấu dân số trẻ**

\* Đặc điểm : - Trong tuổi lao động chiếm tỷ lệ cao: ***64%,***

- Cơ cấu dsố có thay đổi: nhóm trong và trên tuổi LĐ ***tăng tỉ lệ*** ,

nhóm dưới tuổi LĐ ***giảm tỷ lệ*** (bảng 16.1 trang 68 SGK)

\* Thuận lợi: **L*ao động đồi dào, năng động,*** nguồn lao động dự trữ cao, thị trường tiêu thụ lớn.

\* Khó khăn : Gây sức ép tới việc sắp xếp việc làm **.**

**3. Phân bố dân cư chưa hợp lí :**

\* Đặc điểm :Mật độ trung bình 254 người/km2, nhưng phân bố chưa hợp lí, chưa đều giữa các vùng.

**- Giữa đồng bằng với trung du, miền núi:** Đồng bằng ***75% dân số*** ,đất hẹp-người đông, mật độ dân số cao***.***Vùng trung du, miền núi chỉ chiếm **25% dân số**,đất rộng-người thưa, mật độ dân số thấp, nhưng tập trung nhiều tài nguyên thiên nhiên quan trọng của đất nước (ĐBSH mật độ gấp hơn 8 lần ĐBắc, gần 18 lần Tây Bắc) (bảng 16.2 trang 69 SGK)

- **Giữa các vùng đồng bằng (**đồng bằngSông Hồng gấp 3 lần ĐBSCL)

- **Giữa các vùng núi: (**ĐBắc gấp 2 lần Tây Bắc)

**- Giữa thành thị với nông thôn:** Nông thôn :***73,1 % dsố***, thành thị **: *26,9%***

(bảng 16.3 )

\* Khó khăn: Ph.bố dân cư chưa hợp lýảnh hưởng đến ***sử dụng lao động, khai thác tài nguyên.***

**4. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DÂN SỐ HỢP LÍ VÀ SỬ DỤNG CÓ HIỆU QUẢ NGUỒN LAO ĐỘNG. ( HS tự học )**

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp ***giảm tỷ lệ gia tăng dân số***, và chính sách về ***dân số , kế họach hóa gia đình.***

- Có chính sách ***chuyển cư thích hợp*** để thúc đẩy sự ***phân bố dân cư ,và LĐ giữa các vùng***

- Quy hoạch và có chính sách thích hợp nhằm đáp ứng sự chuyển dịch ***cơ cấu dân số nông thôn và thành thị***

- Đẩy mạnh chương trình ***hợp tác, xuất khẩu lao động***

- Phát triển CN ở trung du, miền núi, nông thôn để ***khai thác tài nguyên và sử dụng tối đa nguồn LĐ.***